

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 10 /Công Ty CP Acecook Việt Nam/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM

Địa chỉ: LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại: 02838154064 Fax: 02838154067

Email: info@acecookvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 0300808687

Giấy chứng nhận HACCP:

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VN 17/00177.00	24.08.2018	SGS Việt Nam	Địa chỉ : Lô II-3, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: SG.

Mã hồ sơ: UMT24/01.20

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm MÌ ĂN LIỀN UDON SŨKI SŨKI HƯƠNG VỊ UDON NHẬT BẢN
2. Thành phần:

Vất mì: Bột mì (bổ sung vi chất: kẽm, sắt), dầu thực vật (dầu cò, chất chống oxy hóa (BHA (320), BHT (321))), chất làm dày (hydroxypropyl starch (1440)), tinh bột khoai tây, muối, chất nhũ hóa (natri carboxymethyl cellulose (466)), chất ổn định (pentanatri triphosphat (451(i)), kali carbonat (501(i))), chất điều chỉnh độ acid (natri carbonat (500(i))), bột nghệ, phẩm màu tự nhiên (cucurmin (100(i))).

Gói gia vị: Chất điều vị (glycin (640), mononatri L- glutamat (621), dinatri 5'- inosinat (631), dinatri 5'- guanylat (627), dinatri succinat (364(ii))), muối, bột nước tương (lúa mì, đậu nành), bột cá (lúa mì, đậu nành), đường, tinh bột khoai mì, ba rô sấy, rong biển sấy, dầu thực vật (dầu cò, chất chống oxy hóa (BHA (320), BHT (321))), chất chống đông vón (dioxyd silic vô định hình (551)), bột thịt gà (đậu nành, lúa mì), các gia vị (ớt, gừng), hương khói tự nhiên, chất điều chỉnh độ acid (acid malic (DL-) (296)).

Số tiêu chuẩn: 09-20

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng :

NSX_ ngày_ tháng_ năm_ ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.

Hạn sử dụng: 5 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Qui cách đóng gói và chất liệu bao bì

Qui cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 gói (g/gói): 75 g +/- 4,5 g

Số lượng gói/thùng carton: 24 gói/thùng.

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong bao bì cấu trúc OPP/MCPP, cấu trúc lớp trong PP (polypropylene) tiếp xúc an toàn với thực phẩm. Sau đó các sản phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,2	Mục 2.20
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mục 3.18

Mã hồ sơ: UMT24/01.20



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0	Mục 1.6
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mục 1.6
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mục 2.2
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750,0	Mục 4.4
5	Zearalenone	µg/kg	75,0	Mục 5.3

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
2	Coliform	cfu/g	10,0
3	E-Coli	mpn/g	3,0
4	S.aureus	cfu/g	10,0
5	Cl. Perfringens	cfu/g	10,0
6	B. cereus	cfu/g	10,0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10 ²

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vắt mì	%	10,0
2	Chỉ số acid của vắt mì	mg KOH/g	2,0

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhãn	Khoảng dao động
1	Giá trị năng lượng	kcal/75 g	335	268 ~ 402
2	Hàm lượng chất béo	g/75 g	12,6	10,1 ~ 15,1
3	Hàm lượng carbohydrate	g/75 g	46,7	37,4 ~ 56,0
4	Hàm lượng chất đạm	g/75 g	8,6	6,9 ~ 10,3

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2020

ASAHIRA KEITA
PGD. K&M Marketing
Deputy General Manager, Marketing

PGD, K&M Marketing
Deputy General Manager, Marketing Division



Mã hồ sơ: UMT24/01.20



ASAHIRA KEITA
PGD. Khối Marketing
Deputy General Manager, Marketing Division

Mã hồ sơ: UMT24/01.20